TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2023/HC-PT
Ngày: 21- 8-2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trương Công Thi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 67/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2023 về "*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số/2023/QĐ-PT ngày tháng năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Xuân T1; địa chỉ: Số H Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sư Nguyễn C, Văn phòng L, Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Chí D, chức vụ – Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Như N, chức vụ - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam; xin xét xử vắng mặt

- Ông Nguyễn Phước N1, Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. ông Nguyễn Tấn T2, bà Lê Thị H, ông Mai Thanh B; cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3.2. Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao D1; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: bà Huỳnh Thị S, chức vụ - Giám đốc, xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

1. Người khởi kiện trình bày:

Năm 2006, vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Mai Thanh B với vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2 có thực hiện việc hoán đổi đất nông nghiệp. Cụ thể, vợ chồng bà T thống nhất giao 01 hồ nuôi tôm với diện tích là 4.018m^2 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận số 311311 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/01/2002) cho vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2. Ngược lại, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2 thống nhất giao cho vợ chồng bà T 0,75ha (7.500m^2) đất cây lâm nghiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 22GCN/UB được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp ngày 01/8/1988 và 978m^2 đất cây lâu năm tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 19, cộng thêm 1.717m^2 đất cây lâu năm tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 19 cùng ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Việc hoán đổi đất đã tiến hành tại UBND xã T, được lập thành văn bản và có xác nhận của UBND xã T.

Năm 2018, bà T góp vốn bằng quyền sử dụng đất với diện tích 6.500m^2 là một phần nằm trong 7.500m^2 đất đã nhận hoán đổi từ vợ chồng bà Lê Thị H, ông Nguyễn Tấn T2 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng số 22GCN/UB ngày 01/8/1988 của UBND huyện N cho Hợp tác xã D1, 1.000m^2 còn lại (quyền sử dụng không góp vốn) đã nhận hoán đổi từ vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2, vợ chồng bà T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Năm 2019, diện tích đất 1.000m^2 mà vợ chồng bà T đang quản lý, sử dụng nêu trên thuộc diện bị ảnh hưởng của dự án: Mở rộng khu vực doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N theo Thông báo thu hồi đất số: 365/TBUBND ngày 28/11/2013 của UBND huyện N.

Tuy nhiên, UBND huyện N đã ban hành Quyết định công nhận, thu hồi đất số: 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi

đất diện tích 16.785,3m^2 đất loại đất trồng cây lâu năm của hộ ông Nguyễn Tấn T2 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18), trong đó có diện tích 1.000m^2 đất vợ chồng bà T đang quản lý, sử dụng là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Do đó, bà Nguyễn Thị T khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N;

- Hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden - Đại diện: Huỳnh Thị S để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N;

- Hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Nguyễn Tấn T2 để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N;

- Buộc UBND huyện Núi Thành ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23, diện tích 7.500m^2 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị T, ông Mai Thanh B theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi đối thoại, bà Nguyễn Thị T bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8289/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Tấn T2 đang sử dụng diện tích đất 16.785,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 45 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 27/02/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

2. Người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND huyện N ***trình bày:***

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N *về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại* xã T, huyện N *và buộc* UBND huyện N *ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 7.500m^2, tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23 cho bà* Nguyễn Thị T*:*

Ông Nguyễn Tấn T2 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 22GCN/UB ngày 01/8/1988 với diện tích đất 15.000m^2 (1,5ha). Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/11/2019 và trích lục bản đồ do Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 28/11/2019 thì diện tích đất này thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23, diện tích theo hiện trạng đang sử dụng là 16.785,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản

đồ số 18), địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện N (ông Nguyễn Tấn T2 là chủ sử dụng đất đã ký vào Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất nêu trên).

Trong quá trình sử dụng đất, ngày 22/9/2006, giữa vợ chồng ông Nguyễn Tấn T2, bà Lê Thị H với vợ chồng ông Mai Thanh B, bà Nguyễn Thị T lập văn bản thỏa thuận chuyển đổi đất (theo Giấy xác nhận về việc trao đổi tài sản); theo đó vợ chồng ông T2, bà H chuyển đổi 7.500m^2 đất (một phần diện tích nằm trong 15.000m^2 mà ông T2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 22GCNUB ngày 01/8/1988) cho vợ chồng ông B, bà T và được UBND xã T xác nhận ngày 12/10/2006. Tại thời điểm vợ chồng ông T2, bà H và vợ chồng ông B, bà T thực hiện việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp này, Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 đang có hiệu lực pháp luật. Theo đó, căn cứ khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T2, bà H với vợ chồng ông B, bà T chưa được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên chưa có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, UBND huyện N xác định hộ ông Nguyễn Tấn T2 là người sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 16.785,3m^2 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) để thu hồi đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại Bản án số 65/202/HC-ST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án số 137/2022 HC-PT ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai" đã nhận định, Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Tấn T2 để thực hiện dự án: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N là đúng mục đích thu hồi đất, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 6224/ QĐUBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N và buộc UBND huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 7.500m^2 nằm trong tổng diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

2. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N *về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden - Đại diện:* Huỳnh Thị S *để thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại* xã T, huyện N*:*

Tại Bản án số 65/2021/HC-ST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh

vực quản lý đất đai" đã nhận định, Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ cho Hợp tác xã D1 - Đại diện: Huỳnh Thị S để thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, việc bà Nguyên Thị T3 yêu cầu hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N là không có cơ sở.

3. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N *về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông* Nguyễn Tấn T2 *để thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại* xã T, huyện N*:*

Bà Nguyễn Thị T cho rằng, trong tổng diện tích 16.785,3m^2 có 7.500m^2 vợ chồng ông B, bà T đã nhận chuyển đổi quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T2, bà H. Tuy nhiên, như phân tích tại Mục 1 nêu trên thì Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T2, bà H với vợ chồng ông B, bà T chưa được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên chưa có hiệu lực pháp luật; ông B, bà T chưa có quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Nguyễn Tấn T2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 (nội dung này cũng được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định tại Mục 2.2 của Bản án số 65/2021/HC-ST ngày 01/9/2021). Việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N là không có cơ sở.

4. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8289/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện N *về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông* Nguyễn Tấn T2 *đang sử dụng diện tích đất 16.785,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 45 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại* thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam*:*

Do hộ ông Nguyễn Tấn T2 không bàn giao mặt bằng theo quy định nên UBND huyện N ban hành Quyết định số 8289/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, UBND huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T2***, ông*** Mai Thanh B ***và bà*** Huỳnh Thị S ***trình bày:***

Thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1.Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 và khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T đối với các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 8289/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Tấn T2 đang sử dụng diện tích đất 16.785,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 45 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện dự án: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N;

- Hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden - Đại diện: Huỳnh Thị S để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB315 tại xã T, huyện N.

2.Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T về yêu cầu: Hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Nguyễn Tấn T2 để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Mở rộng khu vực Doanh trại Sư đoàn BB 315 tại xã T, huyện N; buộc UBND huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23, diện tích 7.500m^2 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị T, ông Mai Thanh B theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

[3] Kháng cáo:

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tháng 10 năm 2020, bà Nguyễn Thị T biết được các Quyết định hành chính số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020, số 6248/ QĐ-UBND ngày 28/9/2020 và số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N giải quyết liên quan đến diện tích đất của bà tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23, diện tích 7.500m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ngày 22/9/2021 bà T khởi kiện các quyết định trên tại Tòa án huỷ các quyết định trên.

Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên có liên quan đến bà Nguyễn Thị T. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8289/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Tấn T2 đang sử dụng diện tích đất 16.785,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 45 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà người khởi kiện đã rút là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 và Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 04/01/2021của UBND huyện N:

Tại Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N quyền sử dụng đất diện tích 16.785,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Nguyễn Tấn T2 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) và thu hồi thửa đất này.

Ngày 28/9/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6248/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden với tổng số tiền 2.013.193.614 đồng.

Ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý vụ án số 02/2021/TLST-HC giữa người khởi kiện Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden với người bị kiện UBND tỉnh Q, Chủ tịch và UBND huyện N; nội dung khởi kiện: Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất của hộ ông Lê Tấn T4; hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden; buộc UBND tỉnh Q ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho Hợp tác xã sản xuất rau an toàn

công nghệ cao Dream Garden đối với diện tích đất 13.000m^2 (trong diện tích đất bị thu hồi 16.785,3m^2) thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 18 - hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP (hiện nay là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23), tại thôn Đ, xã T, huyện N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2021/HC-ST ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hành chính phúc thẩm số 137/2022/HC-PT ngày 18/5/2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữa người khởi kiện Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden với người bị kiện UBND tỉnh Q, Chủ tịch và UBND huyện N, đã xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất rau an toàn công nghệ cao Dream Garden. Xét thấy, trong vụ án nêu trên, ông Nguyễn Tấn T2 và bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm xét xử vụ án, ông Nguyễn Tấn T2 và bà Nguyễn Thị T đều có mặt và biết nội dung giải quyết của Tòa án đối với hai quyết định này; ông T2 và bà T cũng không có yêu cầu độc lập hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 và Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020của UBND huyện N; sau khi xét xử sơ thẩm, ông T2 và bà T không kháng cáo và bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Do đó, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định số 6224/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 và Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 28/9/2020của UBND huyện N, do sự việc đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 6249/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện N:

Bà Nguyễn Thị T cho rằng, năm 2006 vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Mai Thanh B với vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2 có thực hiện việc hoán đổi đất nông nghiệp. Cụ thể, vợ chồng bà T thống nhất giao 01 hồ nuôi tôm với diện tích là 4.018m^2 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận số 311311 được UBND huyện N cấp ngày 28/01/2002) cho vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2.

Ngược lại, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2 thống nhất giao cho vợ chồng bà T 0,75ha (7.500m^2) đất cây lâm nghiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 22GCN/UB được UBND huyện N cấp ngày 01/8/1988 và 978m^2 đất cây lâu năm tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 19, cộng thêm 1.717m^2 đất cây lâu năm tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 19 cùng ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Việc hoán đổi đất đã tiến hành tại UBND xã T, được lập thành văn bản và có xác nhận của UBND xã T.

Năm 2018 bà T góp vốn bằng quyền sử dụng đất với diện tích 6.500m^2 là một phần nằm trong 7.500m^2 đất đã nhận hoán đổi từ vợ chồng bà Lê Thị H, ông Nguyễn Tấn T2 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng số 22GCN/UB ngày

01/8/1988 của UBND huyện N cho Hợp tác xã D1, 1.000m^2 còn lại (quyền sử dụng không góp vốn) đã nhận hoán đổi từ vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Tấn T2 vợ chồng bà T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Tại thời điểm vợ chồng ông T2, bà H và vợ chồng ông B, bà T thực hiện việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp này, Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 đang có hiệu lực pháp luật.

Theo Khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T2, bà H với vợ chồng ông B, bà T chưa được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, ông B, bà T chưa có quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.Vì vậy, UBND huyện N xác định hộ ông Nguyễn Tấn T2 là người sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 16.785,3m^2 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 23 (theo hồ sơ 64/CP là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 18) để thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất là có căn cứ, đúng thủ tục. (*Trong trường hợp ông* T2 *và bà* T *đã có thỏa thuận chuyển đổi đất thì hai bên tự thỏa thuận giao lại cho nhau các quyền lợi đã nhận bồi thường từ nhà nước. Đối với công trình xây trên đất thì khi thu hồi cũng đã xác định trong phương án bồi thường; về giá trị đất được bồi thường, hỗ trợ cũng đã được tính giá theo từng m^2 nên trong trường hợp hai bên giao lại cho nhau đều thuận lợi.)*

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tấn T2, bà Huỳnh Thị S không có tranh chấp về tài sản. Do đó, việc ông Nguyễn Tấn T2, đứng tên chủ sử dụng đất nên đứng ra nhận tiền bồi thường là đúng thủ tục. Trường hợp giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tấn T2, bà Huỳnh Thị S có tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tiền mà Nhà nước đã bồi thường khi thu hồi đất thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở chấp nhận, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với Quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì đến nay bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, bên bị kiện có đề nghị hủy bỏ; căn cứ theo quy định tại Điều 74 của Luật Tố tụng hành chính, hủy bỏ quyết định này.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm 14/2023/HC-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí hành chính phúc thẩm bà Nguyễn Thị T được miễn nộp.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao-Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long